TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2024/HSST
Ngày: 13/6/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*:** ÔNG LÊ VĂN XÔ.
Các Hội thẩm nhân dân.
1. ÔNG NGUYỄN MINH QUỐC.
2. ÔNG HOÀNG VÂN.

Thư ký phiên tòa: BÀ NGUYỄN THỊ THANH NHI– Thư ký Tòa án nhân dân huyện H tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: PHAN QUỐC KHÁNH – kiểm sát viên.

Ngày 13/6/2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 59/2024/HSST ngày 06/5/2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2024/QĐXXST-HS ngày 24/5/2024 đối với bị cáo:

NGUYỄN VĂN T – Sinh năm 1972. Tại: Bình Thuận.
Nơi ĐKHKTT: Thôn X, xã Y, huyện H, tỉnh Bình Thuận.
Chổ ở hiện nay: không cố định.
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không.
Trình độ văn hóa: không biết chữ; Nghề nghiệp: không.
Tiền án: 09 tiền án
+ Ngày 15/03/1994 bị Tòa án nhân dân huyện H xử phạt 02 năm tù giam về tội "*Trộm cắp tài sản*", chấp hành xong ngày 11/11/1995.
+ Ngày 10/02/1996 bị Tòa án nhân dân huyện H xử phạt 03 năm tù giam về tội "*Trộm cắp tài sản*".
+ Ngày 23/09/1999 bị Tòa án Phúc thẩm Tòa án Tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 05 năm tù giam về tội "*Trộm cắp tài sản*", chấp hành xong ngày 29/11/2003.
+ Ngày 28/04/2004 bị Tòa án nhân dân huyện H xử phạt 04 năm tù giam về tội "*Trộm cắp tài sản*", chấp hành xong ngày 18/10/2007.
+ Ngày 13/05/2008 bị Tòa án nhân dân huyện H xử phạt 04 năm tù giam về tội "*Trộm cắp tài sản*", chấp hành xong ngày 16/06/2011.

+ Ngày 22/03/2012 bị Tòa án nhân dân huyện H xử phạt 02 năm tù giam về tội "*Trộm cắp tài sản*", chấp hành xong ngày 10/12/2013.

+ Ngày 22/04/2014 bị Tòa án nhân dân huyện H xử phạt 03 năm tù giam về tội "*Trộm cắp tài sản*", chấp hành xong ngày 13/12/2016.

+ Ngày 09/5/2017, bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận xử phạt 04 năm tù giam về tội "Trộm cắp tài sản" theo bản án số 22/2017/HSST, chấp hành xong ngày 24/01/2021.

+ Ngày 11/5/2021, bị TAND huyện H, tỉnh Bình Thuận xử phạt 03 năm tù, về tội: "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 34/2021/HSST, chấp hành xong ngày 23/02/2024;

Đến nay, tất cả các bản án trên đều chưa được xóa án tích.

- Tiền sự: Không

Cha, mẹ: không rõ.

Gia đình có 02 anh em ruột: lớn nhất sinh năm 1968 (đã chết), nhỏ nhất là bị cáo.

Vợ, con: chưa có.

Bị cáo ra đầu thú và bị tạm giữ từ ngày 05/3/2024. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện H.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng:

- Người bị hại:

1/LÊ Thị H1 – 1984(vắng mặt). 2/Nguyễn Văn T1 – 1985(vắng mặt).

Cùng trú tại: Thôn 3, xã W, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án đối với hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T được tóm tắt như sau:

Sau khi chấp hành án xong hình phạt tù ngày 23/02/2024, vào khoảng 16 giờ ngày 24/02/2024, bị cáo Nguyễn Văn T đi bộ từ hướng thôn 3, xã W về hướng thôn Ba Bàu, xã Hàm Thạnh, huyện H để tìm việc làm. Khi đi ngang qua nhà của vợ chồng Nguyễn Văn T1 (sinh năm 1985) và bà LÊ Thị H1 (sinh năm 1984, cùng trú thôn 3, xã W, huyện H) thì bị cáo T thấy xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, BKS 86B4-367.97 của vợ chồng ông T1 đang dựng trước nhà, không có người trông coi, trên xe có cắm sẵn chìa khóa nên bị cáo T nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô này. Bị cáo T lẻn vào dắt xe BKS 86B4- 367.97 ra đường rồi nổ máy chạy về chòi bỏ hoang tại xã thôn 3, xã W cất giấu và sử dụng làm phương tiện đi lại. Ngày 03/3/2024, vợ chồng ông T1 đến Công an xã W trình báo, Công an xã tổ chức truy tìm thì phát hiện xe mô tô BKS 86B4-367.97 đang dựng tại chòi hoang. Lúc này, bị cáo T thấy Công an nên bỏ chạy, đến ngày 04/3/2024 thì đến Công an xã W đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội.

Tại Kết luận về định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 22/2024-HĐĐG ngày 25/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H, kết luận: xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, BKS 86B4- 367.97 trị giá 9.600.000 (Chín triệu sáu trăm nghìn) đồng.

**** Vật chứng của vụ án:***

01 xe mô tô Yamaha Sirius, BKS 86B4- 367.97. Quá trình điều tra, xét thấy đã làm rõ nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, BKS 86B4-36797 cho ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị H1.

**** Về trách nhiệm dân sự:***

Vợ chồng ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị H1 đã nhận lại xe mô tô nên không có yêu cầu gì.

Tại bản cáo trạng số 63/CT-VKSHTN-HS ngày 06/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố Nguyễn Văn T về tội: "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H giữ quyền công tố luận tội, tranh luận và phát biểu quan điểm xử lý vụ án như sau: Viện kiểm sát nhân dân huyện H giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Nguyễn Văn T, phạm tội: "*Trộm cắp tài sản*".

Áp dụng: điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đề nghị xử phạt: Nguyễn Văn T từ 03 năm tù đến 04 năm tù.

Vật chứng vụ án: xử lý xong.

Phần dân sự: xong.

Tại phiên tòa bị cáo thống nhất quan điểm luận tội của Viện kiểm sát, không tranh luận gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện H, tỉnh Bình Thuận. Điều tra viên. Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận. Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy trình của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại và chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định:

Sau khi chấp hành án xong phạt tù vào ngày 23/02/2024, thì vào khoảng 16 giờ ngày 24/02/2024, bị cáo Nguyễn Văn T thấy xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, BKS 86B4-367.97 của vợ chồng Nguyễn Văn T1 và bà LÊ Thị H1 đang dựng trước nhà, không có người trông coi, trên xe có cắm sẵn chìa khóa nên bị cáo T lẻn vào dắt xe BKS 86B4- 367.97 ra đường rồi nổ máy chạy về chòi bỏ hoang tại xã thôn 3, xã W cất giấu và sử dụng làm phương tiện đi lại. Vợ chồng ông T1 đến Công an xã W trình báo, Công an xã tổ chức truy tìm thì phát hiện xe mô tô BKS 86B4-367.97 đang dựng tại chòi hoang. Lúc này, bị cáo T thấy Công an nên bỏ chạy, đến ngày 04/3/2024 thì đến Công an xã W đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội.

Tại Kết luận về định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 22/2024-HĐĐG ngày 25/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H, kết luận: xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, BKS 86B4- 367.97 trị giá 9.600.000 (Chín triệu sáu trăm nghìn) đồng.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T là cố ý, là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương, đã đủ yếu tố cấu thành tội: "*Trộm cắp tài sản*", bị cáo đã có 09 tiền án về tội: "*Trộm cắp tài sản*" tính đến ngày bị cáo phạm tội chưa được xóa án tích, nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp "*Tái phạm nguy hiểm*" đây là tình tiết định khung hình phạt đối với bị cáo. Tội phạm và khung hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự như nội dung cáo trạng đã truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ. Mặc dù bị cáo không có nghề nghiệp và có 09 tiền án đều là tội trộm cắp tài sản, nay lại tiếp tục trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, bị cáo chỉ sử dụng tài sản trộm cắp để làm phương tiện đi lại, không bán để tiêu xài, không làm nguồn sống chính cho bản thân nên không thỏa mãn các điều kiện của "phạm tội có tính chất chuyên nghiệp".

Bị cáo Nguyễn Văn T là công dân có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bản thân bị cáo đã nhiều lần bị xét xử về tội này chưa được xóa án tích nên hoàn toàn nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi bị pháp luật nghiêm cấm. Thế nhưng vì muốn có phương tiện đi lại nên bị cáo đã bất chấp các quy định của pháp luật thực hiện hành vi phạm tội. Lẽ ra khi chấp hành xong hình phạt tù, bị cáo phải ăn năn hối cãi để trở thành công dân tốt, nhưng ngược lại khi chấp hành xong hình phạt tù bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, thể hiện rõ bản chất xem thường pháp luật, không ăn năn hối cãi, nên cần có mức án nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội, đồng thời răn đe giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như mức độ phạm tội của bị cáo để có mức hình phạt thích hợp tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ra đầu thú. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 nên cần áp dụng cho bị cáo.

[3]*Vật chứng vụ án:*

01 xe mô tô Yamaha Sirius, BKS 86B4- 367.97. Quá trình điều tra, xét thấy đã làm rõ nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, BKS 86B4-36797 cho ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị H1. Xét thấy đã xử lý xong.

[4]***Trách nhiệm dân sự*:**

Các bị hại vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên trong hồ sơ thể hiện các bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm phần dân sự và đề nghị xét xử bị cáo theo pháp luật. Xét thấy phần dân sự giải quyết xong.

[5]***Về án phí***: bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

TUYÊN BỐ: Bị cáo Nguyễn Văn T, phạm tội: "**Trộm cắp tài sản**".

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

XỬ PHẠT: Nguyễn Văn T 04(Bốn) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ ngày 05/3/2024.

Căn cứ Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13/6/2024). Các bị hại vắng mặt báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Như Điều 262 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Xô